

XÂY DỰNG NỀN GIÁO DỤC DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VÙNG CĂN CỨ CÁCH MẠNG TỈNH THỦ DẦU MỘT - BÌNH DƯƠNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954-1975)

NGUYỄN VĂN HIỆP*

Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký ngày 21-7-1954 tại Genève, Thụy Sĩ; theo đó, các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước Đông Dương. Lợi dụng thất bại của Pháp, đế quốc Mỹ nhanh chóng triển khai âm mưu xâm lược Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc đang lan rộng ở khu vực Đông Nam Á. Trong bối cảnh đó, giáo dục cách mạng ở Thủ Dầu Một - Bình Dương phải vượt qua cuộc chiến tranh ác liệt để xây dựng nền giáo dục dân tộc dân chủ.

1. Duy trì giáo dục cách mạng trong khó khăn thử thách mới (1954 - 1960)

Hiệp định Genève ký chưa ráo mực, chính quyền Ngô Đình Diệm đã bộc lộ rõ ý đồ phá hoại, khủng bố những người tham gia kháng chiến. Trên lĩnh vực giáo dục, chính quyền Ngô Đình Diệm lập tức thay đổi hệ thống và nội dung giáo dục ở miền Nam, bằng cách cho áp dụng chương trình

giáo dục do các đoàn cố vấn về văn hóa - giáo dục của Mỹ soạn thảo. Một mặt, chính quyền Diệm muốn loại bỏ ảnh hưởng của nền giáo dục Pháp để lại, mặt khác ra sức đưa vào chương trình giáo dục mới xây dựng nội dung chống cộng, phủ nhận thành quả cách mạng và kháng chiến. Khẩu hiệu của ngành giáo dục do chính quyền Diệm đề ra là "*dân tộc, nhân bản, khai phóng*", nhưng thực chất đó là nền giáo dục nhằm phục vụ cho tầng lớp thượng lưu, trung lưu đang cộng tác mật thiết với Mỹ - Diệm. Ở vùng nông thôn, hệ thống trường học do chính quyền Sài Gòn xây dựng chỉ có duy nhất bậc tiểu học, tập trung tại các trục lộ chính, gần đồn bốt. Học sinh muốn học tiếp từ lớp Đệ thất (lớp 6) trở lên, phải ra thị trấn, thị xã hoặc lên các thành phố lớn. Do vậy, con em nhân dân lao động nghèo ở những vùng nông thôn không có điều kiện được đến trường, nhiều em trong độ tuổi đi học hoàn toàn không biết chữ.

Trên thực tế, nhu cầu học tập của con em nhân dân lao động là rất lớn. Nắm bắt được nhu cầu đó, đội ngũ làm công tác giáo dục cách mạng ở tỉnh Thủ Dầu Một mong muốn tiếp tục duy trì và phát triển hoạt

* TS. Trường Đại học Thủ Dầu Một

động giáo dục, nhất là giáo dục tiểu học và bình dân học vụ. Nhưng điều kiện thực tế không cho phép thực hiện mong muốn đó, bởi sau Hiệp định Genève, một số cán bộ chủ chốt của ngành giáo dục tỉnh Thủ Dầu Một thời chống Pháp hy sinh, số khác được tổ chức sắp xếp ra miền Bắc tập kết, một số giáo viên kháng chiến được phân công ở lại phải rút vào hoạt động bí mật (1). Trong hoàn cảnh đó, những cán bộ, giáo viên tâm huyết ở tỉnh Thủ Dầu Một tìm cách tạo vỏ bọc hợp pháp để hoạt động và nỗ lực gây dựng cơ sở tại các trường tư thực. Tiêu biểu là các trường Bình Dân, Ánh Minh, Trí Trí, Đức Trí, Nghĩa An, Nghĩa Phương (thị xã Thủ Dầu Một), Tân Quang (Châu Thành) (2).

Bên cạnh đó, tại các huyện, một số cán bộ, cơ sở cách mạng hoặc quần chúng yêu nước, có cảm tình với cách mạng đã tận dụng thế công khai hợp pháp đứng ra mở các lớp học tại tư gia, đưa vào chương trình giảng dạy những bài học về lòng ái quốc, lòng tự hào dân tộc. Hình thức lớp học tư gia phát triển mạnh ở vùng căn cứ kháng chiến cũ như Long Nguyên, Lai Hưng, An Điền, An Tây, Phú An (Bến Cát), Thanh An, Thanh Tuyên, Định An (Dầu Tiếng), Uyên Hưng, An Thành, Bình Hòa, Mỹ Hòa (Tân Uyên) (3). Trong điều kiện bị chính quyền tay sai đế quốc kiểm soát gắt gao, các thầy cô giáo ở các lớp học tư gia này thường chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách và tình yêu quê hương, đất nước cho học sinh như: kể chuyện về tướng Nguyễn Bình (4), về các chiến khu ở Thủ Dầu Một thời chống Pháp (chiến khu Long Nguyên, Thuận An Hòa, chiến khu D), giới thiệu làng sơn mài truyền thống Tương Bình Hiệp, làng gốm Tân Phước Khánh (Tân Uyên), giới thiệu những nét văn hóa cổ truyền của quê hương (võ thuật Tân Khánh - Bà Trà, lễ hội chùa Bà Thiên Hậu, lễ hội

chùa Ông Bồn). Bên cạnh việc học chữ, học sinh còn được thầy giáo "khai tâm" những hiểu biết về cách mạng (như căn cứ kháng Pháp đầu thế kỷ XX ở Mỹ Lộc - Tân Uyên, phong trào Hội kín ở Uyên Hưng (Tân Uyên), phong trào cộng sản ở Nhà máy xe lửa Dĩ An, phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ với những thầy giáo tên tuổi một thời như Lê Minh Chương, Nguyễn Văn Tiết...) (5).

Tuy nhiên, trong bối cảnh chính quyền Mỹ - Diệm ngày càng đẩy mạnh các chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", hoạt động của các lớp học tư gia với tinh thần yêu nước, tiến bộ không thể tránh khỏi tình trạng bị theo dõi, kiểm soát chặt chẽ. Hơn nữa, đội ngũ cán bộ, đảng viên bám trụ địa bàn để chỉ đạo phong trào cách mạng - trong đó có mảng công tác giáo dục - lại bị tổn thất hết sức nặng nề. Nhiều thầy, cô giáo đã bị bắt, tù đày và bị giết (như thầy Nguyễn Văn Cường, Phạm Văn Tiệp, Lưu Văn Chư, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Văn Lắc, Nguyễn Văn Dương, Huỳnh Minh Bạch, Nguyễn Văn Lửa, thầy Diệp Hòai, cô Nguyễn Thị Rê, bị dịch bắt, người bị kết án tử hình, người bị đày đi Côn Đảo...). Cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng tan vỡ hàng loạt, một số huyện không còn chỉ bộ cơ sở nào tồn tại và hoạt động. Phong trào cách mạng ở Thủ Dầu Một nói chung, hoạt động giáo dục cách mạng trên địa bàn tỉnh nói riêng, đứng trước thử thách khốc liệt (6).

Từ cuối năm 1957 đến năm 1959, ở Thủ Dầu Một không có hoạt động độc lập của bộ phận làm công tác giáo dục. Các lớp học tư gia cũng ngày càng thu hẹp. Một số cơ sở cách mạng và quần chúng yêu nước tận dụng thế công khai hợp pháp đấu tranh đòi chính quyền phải xây dựng trường lớp cho con em có chỗ học tập. Ở một số trường học

của chính quyền tay sai, giáo viên thành lập các tổ bí mật liên hệ với cơ sở cách mạng, tham gia cung cấp tin tức, tài liệu của địch cho cách mạng. Trong hoàn cảnh bị đàn áp ngặt nghèo, các hoạt động giáo dục tạm lảng nhưng tinh thần yêu nghề, nhiệt tình cách mạng của đội ngũ nhà giáo yêu nước vẫn âm thầm chờ đợi cơ hội tiếp tục hoạt động.

2. Từng bước phát triển giáo dục dân tộc dân chủ trong quá trình chuyển thể cách mạng (1960 - 1965)

Từ đầu năm 1960, phong trào Đồng khởi của đồng bào miền Nam ngày càng lan rộng, làm suy sụp bộ máy quân sự và chính quyền Sài Gòn ở xã, ấp. Đến ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Tuyên ngôn và chương trình hành động của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là ngọn cờ hiệu triệu nhân dân Thủ Dầu Một đứng lên đấu tranh cách mạng, đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, lập nên chính quyền cách mạng (7). Với sự phát triển của phong trào Đồng khởi và sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng được thành lập ở cấp tỉnh, huyện và nhiều xã, ấp. Ban Thông tin văn hóa giáo dục của Mặt trận Dân tộc giải phóng các cấp đứng ra chủ đạo phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa cho nhân dân.

Với chủ trương "giải phóng đến đâu, thực hiện công tác giáo dục đến đó", tại các xã do cách mạng làm chủ sau Đồng khởi, cán bộ bộ phận tuyên truyền tổ chức ngay những buổi gặp gỡ để vận động, hướng dẫn các thầy cô giáo tại địa bàn tiếp quản các trường học, lớp học đã có hoặc xây dựng trường, lớp mới. Dưới sự lãnh đạo của Mặt

trận Dân tộc giải phóng, các xã, ấp hồ hởi mở lớp xóa mù chữ và bổ túc văn hóa. Xã nào, ấp nào giải phóng đều có trường lớp và đông đảo học sinh đi học. Trường lớp lúc này chủ yếu xây dựng bằng tre, lá do nhân dân góp. Thầy cô giáo vận động phụ huynh và học sinh trồng cây để tạo màu xanh và tránh máy bay địch bắn phá. Nội dung giảng dạy theo chương trình giáo dục cách mạng thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nhất là đối với các môn Văn, Sử, Giáo dục công dân. Do sách giáo khoa thiếu, nên ở một số nơi có kết hợp sử dụng sách giáo khoa các môn Toán, Đánh Vấn trong vùng địch tạm chiếm. Để nội dung dạy và học gắn với thực tiễn, giáo viên còn sử dụng một số bài báo, tin tức thời sự... truyền đạt cho học sinh. Không khí học tập trong vùng giải phóng tuy còn nhiều khó khăn gian khổ, thậm chí có lúc thầy trò đang trong giờ học phải chạy càn nhưng luôn tràn đầy lạc quan, phấn khởi. Trước sự phát triển mạnh của phong trào giáo dục ở vùng giải phóng, tháng 10-1962, Tiểu ban Giáo dục Trung ương Cục miền Nam (gọi tắt là Tiểu ban Giáo dục miền) được thành lập, trực thuộc Ban Tuyên huấn, giúp Trung ương Cục chỉ đạo công tác giáo dục toàn miền Nam (8). Sau đó, các tiểu ban giáo dục khu, tỉnh, huyện, xã được thành lập chính thức.

Ở tỉnh Thủ Dầu Một, Tiểu ban Giáo dục tỉnh được thành lập do bà Nguyễn Thị Rê làm Trưởng tiểu ban. Các ông Nguyễn Văn Tài, Vũ Hoàng Khanh, Ngô Long Võ làm ủy viên. Tiểu ban Giáo dục tỉnh đóng tại Bàu Rô, xã Thanh Tuyên - Trị Tâm (Dầu Tiếng). Sau khi Tiểu ban Giáo dục tỉnh thành lập, tại các huyện, xã, bộ máy chỉ đạo công tác giáo dục cũng lần lượt hình thành theo ngành dọc; huyện có Tiểu ban Giáo dục trực thuộc Ban Tuyên huấn, các xã có Ban Giáo dục thuộc chi bộ xã, một số nơi ở các

áp cũng hình thành Ban Giáo dục ấp. Vào thời điểm mới thành lập, trình độ chuyên môn của cán bộ các tiểu ban giáo dục từ cấp huyện đến xã, ấp còn hạn chế. Song với khí thế cách mạng đang phát triển rất mạnh, tiểu ban giáo dục các cấp đã nỗ lực chăm lo tổ chức trường, lớp, cung cấp sách vở, giải quyết nhu cầu học hành cho con em nhân dân. Để phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, các trường học được tổ chức thành từng điểm nhỏ trong từng ấp, thuận tiện di lại của giáo viên và học sinh; lớp học chủ yếu do nhân dân cho đất, đóng góp cây, lá và cùng nhau dựng lên, có lớp được tổ chức trong nhà dân; bàn ghế, dụng cụ học tập còn rất thiếu thốn. Thấy, cô giáo chủ yếu là những thanh niên biết chữ tự nguyện tham gia giảng dạy không đòi hỏi thù lao. Sau giờ dạy học, các thầy cô giáo cùng sản xuất ở gia đình hoặc giúp nhân dân sản xuất.

Với sự hoạt động tích cực của tiểu ban giáo dục huyện, xã và các ấp, phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa ở Thủ Dầu Một phát triển rất mạnh. Đầu năm 1963, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đã thành lập trường Văn Chính với nhiệm vụ dạy văn hóa, chính trị cho cán bộ kháng chiến các cấp tỉnh, huyện và thanh thiếu niên là con em cán bộ, du kích, đồng thời đào tạo đội ngũ giáo viên bằng cách mở những lớp huấn luyện nghiệp vụ ngắn ngày từ 1 tuần đến 1 - 2 tháng. Tiểu ban Giáo dục tỉnh làm nòng cốt cho công tác đào tạo giáo viên tại trường Văn Chính. Ngay sau khi trường Văn Chính thành lập, Tiểu ban Giáo dục tỉnh đã tập hợp những cán bộ, du kích ở các cơ quan của tỉnh, huyện tham gia công tác trong Tiểu ban Giáo dục và các lớp đào tạo giáo viên. Các huyện Bến Cát, Châu Thành, Trị Tâm (Dầu Tiếng) đều cử người tham dự. Khóa học kéo dài trong 1 tháng. Một số giáo viên ở vùng tạm chiếm cũng

được vận động vào vùng giải phóng tham công tác giáo dục. Phụ trách lớp là cán bộ ở Tiểu ban Giáo dục tỉnh và một số lãnh đạo Ban Tuyên huấn tỉnh.

Để đáp ứng nhu cầu giáo viên cho các địa phương, tháng 8-1963, Tiểu ban Giáo dục miền Nam đã mở trường sư phạm đào tạo giáo viên trong toàn miền lấy tên là Trường giáo dục Tháng Tám (9). Ở tỉnh Thủ Dầu Một, cùng với cán bộ Tiểu ban Giáo dục tỉnh, mỗi huyện cũng cử 3 - 4 cán bộ tham dự khóa đào tạo giáo viên Tháng Tám.

Sau chín tháng học tập tại căn cứ R (Tây Ninh), các thầy cô giáo đã về tổ chức lớp huấn luyện ở mỗi huyện để phổ biến về đường lối giáo dục của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, đồng thời giới thiệu những tài liệu học tập do Tiểu ban Giáo dục miền biên soạn như quyển: *Văn bình dân học vụ phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ, Chương trình cấp 1 bổ túc văn hóa* cùng một số sách cấp 1 bổ túc văn hóa (Tập đọc, Toán, Địa lý...).

Cùng thời điểm các thầy cô giáo kết thúc khóa đào tạo giáo viên ở căn cứ R trở về, tỉnh Thủ Dầu Một được Trung ương tăng cường thêm 4 cán bộ từ miền Bắc có trình độ đại học về tham gia công tác tại Tiểu ban Giáo dục tỉnh, đồng thời Tỉnh ủy cũng tăng cường thêm hai giáo viên đang công tác từ Ban Tuyên huấn cho Tiểu ban. Lực lượng này nhanh chóng tỏa về các huyện chỉ đạo chuyên môn, huấn luyện về nghiệp vụ dạy học, phổ biến phương pháp tổ chức và xây dựng phong trào giáo dục. Số cán bộ này đã trở thành những nòng cốt cả về chuyên môn và công tác tổ chức, phát động phong trào giáo dục ở địa phương.

Cuối tháng 4 đầu tháng 5-1964, Đại hội giáo dục toàn miền Nam được tổ chức nhằm thống nhất đường lối, mục tiêu, hệ thống tổ

chức giáo dục, chương trình sách giáo khoa. Tiếp đó, ngày 19-5-1964, Đại hội thành lập Hội nhà giáo yêu nước nhằm tập hợp tất cả những người làm công tác giáo dục, các nhà giáo yêu nước và tiến bộ trong toàn miền Nam vào mặt trận đấu tranh thực hiện một nền giáo dục dân tộc, dân chủ và tiến bộ, chống lại chính sách nô dịch của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai (10).

Sau Đại hội giáo dục toàn miền Nam, Tiểu ban Giáo dục tỉnh đã mở bốn lớp huấn luyện giáo viên ngắn ngày cho các địa phương. Hai lớp được tổ chức tại Thanh Tuyên (Dầu Tiếng), một lớp mở tại An Tây và một lớp mở tại Long Nguyên (Bến Cát). Mỗi lớp từ 15 đến 20 người tham dự. Nội dung trọng tâm là bồi dưỡng phương pháp và nguyên tắc dạy học để đứng lớp.

Có đội ngũ giáo viên làm nòng cốt, hầu hết các xã ở vùng căn cứ đều hình thành Tiểu ban Giáo dục (trực thuộc Ban Văn giáo xã). Tiểu ban Giáo dục làm nhiệm vụ mở lớp và vận động nhân dân đóng góp công sức, gạo, tiền xây dựng trường lớp; nuôi giấu, bảo vệ giáo viên. Không khí học tập hết sức sôi nổi. Các lớp học được tổ chức thường xuyên, ở bất cứ chỗ nào (dưới gốc cây, giàn bầu, giàn mướp...), bất kể ngày đêm, miễn yên tiếng súng là có thể đến lớp để học. Mục tiêu của lớp học rất thiết thực và phù hợp với hoàn cảnh cụ thể là làm sao cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ biết đọc, biết viết (để đọc được công văn, viết được khẩu hiệu). Với lòng nhiệt tình, tận tâm, công tác vận động quần chúng tốt, nên các giáo viên đi đến đâu cũng được cấp ủy, mặt trận và nhân dân hết lòng giúp đỡ để mở điểm trường (hoặc cho mượn nhà để mở lớp).

Với những cố gắng trên, trong những năm 1963 - 1964, phong trào giáo dục ở Thủ Dầu Một phát triển thuận lợi nhất

trong kháng chiến chống Mỹ. Đến cuối năm 1964, Thủ Dầu Một ước tính có đến 38 trường và điểm trường tiểu học, 120 giáo viên với gần 2.500 học sinh cả bổ túc văn hóa và bình dân học vụ; xã nhiều nhất có vài điểm trường có từ 4 - 10 giáo viên, xã ít nhất cũng có 1 - 2 điểm trường và 3 - 5 giáo viên. Theo số liệu thống kê sơ bộ của Ban Liên lạc cựu giáo chức Thủ Dầu Một, vào thời điểm cuối năm 1964, trên địa bàn các làng cao su Dầu Tiếng ta mở được 8 điểm trường ở các làng 4, 5, 6, 10, 16, 18, 21, 22; hai xã Thanh An và Thanh Tuyên đều có 5 điểm trường (Thanh An ở các ấp 2, 3, 4, 5, 6, Thanh Tuyên ở các ấp 3, 4, 5, 7, 11). Bến Cát là nơi có phong trào giáo dục phát triển mạnh nhất. Xã An Tây mở được 3 điểm trường (ở các ấp 1, 2, 4); xã An Điền mở được 1 điểm trường; xã Phú An mở hai điểm trường (ấp 1, 4); xã Long Nguyên có 6 điểm trường (ấp 3, 4, 5, 6, 7, Trảng Lớn); xã Kiến An (An Lập) có 3 điểm trường (Bàu Khai, Hồ Cạn, Đất Đỏ); xã Chánh Lưu (Chánh Phú Hòa) mở được 4 lớp (ấp 1, 2, 3, 4) (11).

Ở mỗi điểm trường đều có từ một đến ba lớp học. Tùy tình hình ở mỗi nơi, có điểm trường được xây dựng ngay trong xóm, ấp (Dầu Tiếng, Chánh Phú Hòa); có điểm trường được làm dưới những tán cây lớn (Thanh An, Thanh Tuyên); có điểm trường được làm kín đáo trong bia rừng. Phần lớn các điểm trường, lớp học đều có hệ thống giao thông hào tránh bom đạn. Đặc biệt là ở Long Nguyên và các xã An Điền, An Tây, Phú An là nơi thường xuyên bị địch càn quét, bắn phá bom pháo nên các điểm trường đều có hệ thống giao thông hào liên kết với hệ thống công sự cá nhân để giáo viên và học sinh trú ẩn khi có địch càn quét. Có nơi nền lớp học được đào sâu xuống đất chừng hơn 1m để dựng nhà.

Nội dung giảng dạy chủ yếu là hai môn Văn, Toán theo chương trình lớp 1, 2 của giáo dục miền Bắc. Tiểu ban Giáo dục cử cán bộ lên căn cứ R sao chép sách giáo khoa Tiểu học chuyển từ miền Bắc vào rồi đánh máy, in thành quyển đưa về các trường làm tài liệu giảng dạy và học tập. Trong năm 1965, Tiểu ban Giáo dục tỉnh đã in và chuyển về các địa phương trên 3.000 bản sách Toán và Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 4. Ngoài hai môn chính là Văn và Toán, Tiểu ban Giáo dục tỉnh còn lấy nội dung từ sách, báo cách mạng để biên soạn tài liệu giáo dục đạo đức cách mạng cho học sinh với tên gọi "Học báo" (12).

Phương châm "học đến đâu dạy đến đó", phong trào giáo dục cách mạng ở Thủ Dầu Một xuất hiện nhiều sáng kiến cả trong dạy và học. Một số địa phương tự đào tạo giáo viên cấp tốc nâng cao trình độ văn hóa của thầy, cô giáo. Có thầy cô chỉ vừa biết đọc biết viết đã tham gia dạy học, nhưng sau mấy tháng huấn luyện, mọi người đều nắm được cách soạn giáo án đảm bảo đầy đủ các nội dung: giáo dục tư tưởng cách mạng cho học sinh, truyền thụ kiến thức và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo.

Trên đà phát triển mạnh của bậc tiểu học, đầu năm 1965, Tỉnh ủy chủ trương mở trường cấp 2 với hình thức học tập trung dành cho con em cán bộ trong các cơ quan dân - chính - đảng và đồng bào vùng căn cứ. Thực hiện chủ trương của tỉnh, Ban Tuyên huấn và Tiểu ban Giáo dục tỉnh đã lựa chọn địa điểm tại khu vực Đồng Tròn (xã Thanh Tuyên) để mở trường cấp 2 tập trung lấy tên là trường Lý Tự Trọng. Tháng 2 năm 1965, trường xây dựng xong và tuyển sinh ngay được 2 lớp (1 lớp 5 có 29 học sinh và lớp 6 có 20 học sinh). Các thầy giáo Phạm Thanh Hải, Nguyễn Hữu Phước, Nguyễn Thu Vân là cán bộ ở Tiểu ban Giáo

dục tỉnh được phân công vừa phụ trách, vừa giảng dạy. Thầy Phạm Thanh Hải được phân công làm Hiệu trưởng. Trường Lý Tự Trọng còn được Phân liên khu miền Đông cử thầy giáo Nguyễn Viết Thoa - là cán bộ của Tiểu ban Giáo dục khu về hỗ trợ chuyên môn và giảng dạy tại trường Lý Tự Trọng trong hai tháng.

Cũng như ở Thủ Dầu Một, trên địa bàn huyện Tân Uyên (vào thời điểm này thuộc địa bàn tỉnh Phước Thành) hoạt động giáo dục cũng phát triển rất mạnh. Tiểu ban Giáo dục Phước Thành do ông Đỗ Trung Nhân (Tư Nhân) làm trưởng ban đã cử được 2 cán bộ tham gia khóa đào tạo giáo viên Tháng Tám và quy tụ một số giáo viên từ vùng địch tạm chiếm về công tác như các thầy Tám Tâm, Tư Triển, Chín Long. Đến năm 1965, Tiểu ban Giáo dục Phước Thành có 7 cán bộ, giáo viên. Với lực lượng này, Tiểu ban Giáo dục đã mở lớp bổ túc văn hóa tại cơ quan Tuyên giáo tỉnh cho cán bộ các cơ quan, đoàn thể đồng thời tỏa về các xã ở Chiến khu D mở lớp xóa mù chữ, bổ túc văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào. Đến cuối năm 1965, ở Tân Uyên, Tiểu ban Giáo dục đã mở được một số điểm trường tiểu học ở các xã Bình Mỹ, Tân Bình, Tân Mỹ, Phước Hòa. Ở mỗi điểm trường, Tiểu ban Giáo dục tỉnh đều đến chỉ đạo ổn định trường lớp, hướng dẫn sư phạm cho giáo viên. Ở một số địa phương, đồng bào cất nhà trong rừng sâu tránh địch "tát" dân nhiều lần từ hồi xây dựng áp chiến lược. Tiểu ban Giáo dục tổ chức các điểm trường liên xã để phục vụ đồng bào. Một số đồng bào ở vùng sâu, vùng xa không thể tổ chức điểm trường, lớp học, Tiểu ban Giáo dục cử cán bộ, giáo viên đến mở lớp bổ túc văn hóa lưu động cho cán bộ xã, các hội, đoàn thể và đồng bào.

Phong trào học tập văn hóa sôi nổi ở Thủ Dầu Một trong những năm 1964 - 1965 là biểu tượng, hình ảnh tốt đẹp của cách mạng trong những ngày chiến tranh ác liệt. Giữa vùng thôn quê, xen lẫn hình ảnh chân lấm tay bùn của người nông dân, vẫn nghe thấy những tiếng đánh vần của học sinh hoà trong tiếng súng đạn. Hình ảnh ấy đã đi vào thơ ca với những vần thơ rất đỗi thân thương, bình dị, như để ghi nhận và tôn vinh những đóng góp thầm lặng mà vinh quang của những người làm công tác giáo dục ở Thủ Dầu Một: *"Ngoài đồng Mỹ - ngụy dàn quân / Trong nhà trẻ vẫn quay quần ê a / Xin chào bé Nụ, bé Hoa / Ngày là cô giáo, đêm là học sinh"* (13).

3. Sức sống giáo dục cách mạng trong chiến tranh ác liệt (1965 - 1975)

Từ năm 1965, với thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược bằng chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (the local war). Trên địa bàn Thủ Dầu Một và Phước Thành, từ tháng 9-1965, đế quốc Mỹ và quân đội Sài Gòn huy động 20 tiểu đoàn (có 2 tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn dù 173 Mỹ) mở cuộc càn "Hùng Vương 9", đánh phá căn cứ cách mạng ở Bến Cát nhằm giải tỏa đoạn lộ 13 từ Bến Cát đi Chợ Thành và mở rộng an toàn cho căn cứ Lai Khê đang xây dựng. Tháng 10-1965, địch mở cuộc càn lớn thứ hai vào địa bàn Bến Cát nhằm mục tiêu "tìm diệt" lực lượng vũ trang, phá hủy căn cứ kháng chiến và lập tuyến an ninh cho căn cứ Lai Khê. Cũng trong tháng 10-1965, Mỹ và quân đội Sài Gòn huy động ba tiểu đoàn có phi pháo, xe tăng yểm trợ càn quét dài ngày vào vùng căn cứ Thuận An Hòa của huyện Lái Thiêu. Tháng 11-1965, một tiểu đoàn quân Mỹ thuộc Lữ đoàn dù 173 đổ bộ xuống Hiếu Liêm, hành quân càn quét khu vực Sinh, Giáng Hương...

Từ khi Mỹ và quân đội Sài Gòn thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ", hoạt động giáo dục ở Thủ Dầu Một và Phước Thành diễn ra trong điều kiện hết sức gian khổ, ác liệt. Trong thời gian đầu địch thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ", cường độ đánh phá dày đặc, đồng bào phải tản cư ngược vào vùng địch kiểm soát để tránh bom đạn, hoạt động dạy học gặp nhiều khó khăn. Ở Bến Cát, trong những trận càn đầu năm 1966, nhiều lớp học phải gián đoạn. Tuy nhiên, từ thực tế đấu tranh, dần dần đồng bào đã tìm ra biện pháp cất nhà, phân tán ra đồng, tạo thế hợp pháp để tiếp tục duy trì điểm trường, lớp học. Mặt khác đồng bào cũng tích cực đấu tranh với địch đòi trở về làm ruộng vườn để sinh sống. Với khẩu hiệu: "dân bám đất, giáo dục bám dân, giáo viên bám trường lớp", Tiểu ban giáo dục các địa phương đã nhanh chóng phân tán các điểm trường theo dân ra đồng hoặc ra vùng dân tạm định cư để duy trì dạy học. Hình thức lớp học cũng hết sức linh hoạt, lớp nào học ở địa bàn kín đáo thì nhân dân làm hầm hào che chắn; lớp nào học trong nhà dân thấy có tổ chức dạy vào những lúc giặc không càn, khi yên thì học, khi động thì nghỉ, có lớp học tổ chức trong các lùm cây, có lớp học ban đêm, lớp học ban ngày...

Để có thể hoạt động được trong điều kiện chiến tranh ngày càng ác liệt, tất cả các thầy cô giáo và học sinh đều được huấn luyện phòng tránh bom pháo và sự càn quét của địch. Ở các xã An Diễn, An Tây, Phú An, Long Nguyên đội du kích xã còn tổ chức bảo vệ cho thầy cô giáo và học sinh, bảo vệ trường lớp, sách giáo khoa. Các thầy giáo cô giáo đã dùng vôi trắng vẽ lên mái lớp học yêu cầu địch không được bắn phá.

Đầu năm 1966, trường Văn Chính tuyển được gần 100 học sinh là lãnh đạo xã, cán

bộ các ngành đoàn thể huyện Bến Cát. Trong quá trình học tập, cán bộ, giáo viên và học sinh đều tham gia sản xuất tự túc như mượn đất của dân để trồng khoai lang, khoai mì, tranh thủ ngày nghỉ học hoặc ban đêm hỗ trợ nhân dân cấy lúa, cất giấu lương thực, tài sản giúp đồng bào. Trường cấp 2 Lý Tự Trọng cũng tiếp tục tuyển sinh (khóa 2) được 2 lớp (1 lớp 5 và 1 lớp 6) với 45 học sinh. Khóa học này được giảng dạy chương trình lớp 5 và lớp 6 theo chương trình giáo dục hệ 10 năm ở miền Bắc.

Với những nỗ lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên, Thủ Dầu Một trở thành địa phương có hoạt động giáo dục nổi bật trong các tỉnh Đông Nam Bộ. Khi Tiểu ban Giáo dục miền Nam làm bộ phim tư liệu "Phát triển giáo dục vùng giải phóng", Thủ Dầu Một đã được chọn làm nơi quay phim. Đội quay phim của miền về địa phương làm việc 1 tháng và đã hoàn tất được bộ phim tư liệu quý giá này (hai cán bộ của Tiểu ban Giáo dục miền Nam là Lý Văn Minh (viết kịch bản) và Thép Hồng (người quay phim)) (14).

Những tháng cuối năm 1966, Tiểu ban Giáo dục Thủ Dầu Một tiếp tục được tăng cường cán bộ và nhân viên. Đến tháng 10-1966, tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên tiểu ban khoảng hơn 40 người. Ông Võ Hoàng Khanh được Ban Tuyên huấn điều về làm Phó tiểu ban. Để tránh bị đánh phá, Tiểu ban Giáo dục chuyển về đứng chân tại Hàng Nù - Thanh An (Dầu Tiếng). Từ đây, Tiểu ban Giáo dục tỉnh tiếp tục tổ chức khóa bồi dưỡng sư phạm cấp tốc cho giáo viên và cán bộ giáo dục. Mỗi khóa diễn ra khoảng 1 tháng. Tham gia giảng dạy các khóa này là những cán bộ, giáo viên có nhiều kinh nghiệm. Cán bộ phụ trách Tiểu ban Giáo dục (Nguyễn Thị Rê, Võ Hoàng Khanh, Ngô Long Võ...) cũng tham gia

giảng dạy và chỉ đạo khóa học. Bên cạnh đó, một số cán bộ công tác tại Tiểu ban Giáo dục Khu Trung Nam Bộ đang di thực tế ở Thủ Dầu Một cũng được mời tham gia giảng dạy, chủ yếu là bồi dưỡng kỹ năng sư phạm cho học viên.

Tháng 12-1966, Tiểu ban Giáo dục miền đề ra nhiệm vụ chung cho toàn ngành là quán triệt hơn nữa bình dân học vụ là nhiệm vụ hàng đầu, ra sức xây dựng và duy trì phong trào bình dân học vụ có tính chất quần chúng và thiết thực phục vụ cách mạng để xóa mù chữ và nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân, trước hết là cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên và nam nữ thanh niên công nông; ra sức khôi phục, củng cố và phát triển hệ thống trường lớp phổ thông. Tiểu Ban Giáo dục miền cũng đề ra yêu cầu tiếp tục giữ vững phong trào xóa mù chữ cho cán bộ, du kích, đảng viên, tích cực thực hiện bổ túc văn hóa trong các cơ quan và lực lượng vũ trang.

Thực hiện chủ trương của Tiểu ban Giáo dục miền, các thầy giáo, cô giáo ở Thủ Dầu Một đã nỗ lực chuyển hướng, bám theo các cơ quan, các đơn vị bộ đội, du kích để tổ chức lớp học. Thời gian này, nhiều lớp học được tổ chức ngay tại công sự chiến đấu. Có lúc địch đánh 5 - 7 ngày liên tiếp, thầy trò tạm lánh đến chỗ an toàn tổ chức lớp học. Có buổi học, lớp chỉ có 1 - 2 em thầy vẫn dạy bình thường.

Chiến tranh ngày càng ác liệt, hoạt động giáo dục càng trở nên khó khăn đồng thời do nhu cầu cán bộ trên các mặt công tác kháng chiến, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương vận động tổng quân, rút số cán bộ các cơ quan bổ sung cho các đơn vị chiến đấu. Thực hiện chủ trương này, Tiểu ban Giáo dục tỉnh đã đưa cán bộ, nhân viên tiểu ban tham gia chiến trường. Cuối năm 1967, nhiều cán bộ, giáo viên của Tiểu ban Giáo

đục đã tham gia Tiểu đoàn Phú Lợi, trực tiếp chiến đấu ngoài mặt trận.

Trong thời gian diễn ra chiến dịch tổng tiến công và nổi dậy, phần lớn cán bộ, giáo viên của Tiểu ban Giáo dục tỉnh đều trực tiếp xuống chiến trường. Ở thời điểm này, Tiểu ban Giáo dục thực sự trở thành một "binh chủng" trong ngành tuyên huấn, người cán bộ giáo dục - giáo viên trở thành người chiến sĩ cầm súng chiến đấu. Cán bộ, giáo viên Thủ Dầu Một được học các kỹ năng tiếp đạn, tải thương, truyền tin, báo cáo... Mọi thứ đều vô cùng mới mẻ và phức tạp đối với những giáo viên lâu nay chỉ quen làm công việc dạy học, chỉ biết lớp học và học trò. Dù vậy, mọi người đều hăng say luyện tập, mong đến ngày ra trận để được trực tiếp chiến đấu, giải phóng quê hương. Bộ phận còn lại phân tán nhỏ, chuyển về công tác ở các huyện, hướng chủ yếu là khu vực Bình Mỹ - Bình Cơ (thuộc chiến khu D) phân công nhau đi dạy bổ túc văn hóa cho các đơn vị hoặc xóa mù chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số (15).

Từ cuối năm 1968, trên địa bàn Phân khu 5 cũng như hai huyện Bến Cát, Dầu Tiếng (thuộc Phân khu 1), địch dùng bom, pháo và rải thảm chất độc hoá học ở cả vùng ven, vùng trung tuyến, vùng căn cứ nhằm hỗ trợ cho chương trình "bình định cấp tốc", đồng thời ngăn chặn lực lượng vũ trang cách mạng tấn công vào Sài Gòn. Tiếp đó, tháng 3-1969, địch mở chiến dịch Nguyễn Trãi II để "bình định cấp tốc" vùng ven Sài Gòn. Ở Lái Thiêu, địch tập trung 2 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ, 4 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 5 ngụy, 9 đại đội bảo an cùng một số giang thuyền và các đoàn binh định tập trung đánh phá càn quét gom dân các xã An Sơn, An Thạnh, Bình Nhâm (Lái Thiêu), Xóm Guốc, Bà Lụa

(xã Phú Cường); càn quét dài ngày Chiến khu D, Dầu Tiếng, Bến Cát...

Tháng 6-1969, Phân khu ủy Phân khu 5 tổ chức Hội nghị đại biểu nhân dân gồm đại diện các ngành, các giới, các đoàn thể cách mạng. Hội nghị bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng Phân khu gồm 9 người (có 1 ủy viên là nữ). Ban Thường trực Ủy ban nhân dân cách mạng Phân khu 5 do ông Nguyễn Văn Trung (Sáu Trung) - Bí thư Phân khu ủy làm Chủ tịch. Các ông Bùi Khánh Ngươn (Phân khu ủy viên, Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Phân khu), Hoàng Xích Thanh (Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Thủ Dầu Một) làm Phó Chủ tịch.

Đối với công tác giáo dục, trong năm 1969, Phân khu đã chỉ đạo củng cố tổ chức, tập hợp lực lượng sau một thời gian bị gián đoạn. Giữa năm 1969, Tiểu ban Giáo dục phân khu được củng cố. Ông Nguyễn Xuân Phong được cử làm Trưởng tiểu ban thay cho bà Nguyễn Thị Rê (do được phân công nhận công tác khác). Các ông Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Xuân Vinh làm Phó ban. Một số giáo viên trước đây tham gia chiến đấu được trở về công tác tại tiểu ban. Nhiệm vụ của Tiểu ban Giáo dục lúc này là nỗ lực khôi phục phong trào giáo dục ở các địa phương, tiếp tục tổ chức các lớp xóa mù chữ và bổ túc văn hóa cho các đơn vị và đồng bào, chuẩn bị lực lượng cán bộ, giáo viên để khôi phục phong trào giáo dục khi có điều kiện.

Tuy nỗ lực liên tục, song hoạt động giáo dục từ năm 1969 - 1971 gặp rất nhiều khó khăn, gián đoạn. Việc mở lớp, mở trường hầu như không thực hiện được. Đến năm 1972, Tiểu ban Giáo dục Thủ Dầu Một đã chủ động tập hợp lực lượng và trở lại mặt khu Long Nguyên (Bến Cát) bám chân hoạt

động. Cuối năm 1972, ông Nguyễn Xuân Phong hy sinh, bà Nguyễn Thị Rê tiếp tục được cử làm Trưởng tiểu ban. Vào thời điểm này, đội ngũ cán bộ, giáo viên tiểu ban có khoảng 20 người. Trong điều kiện mở trường lớp gặp nhiều khó khăn, Tiểu ban Giáo dục tỉnh chuyển sang mở các lớp bồi dưỡng sơ phạm sơ cấp với quy mô nhỏ (số lượng chỉ vài ba chục giáo sinh), dạy theo tài liệu của Khu biên soạn. Thời gian bồi dưỡng được rút ngắn, chỉ từ 1 đến 2 tháng, địa điểm học thường là khu vực đứng chân của Tỉnh ủy và các ban ngành, có lực lượng vũ trang bảo vệ. Các lớp học được "quân sự hoá", nghi trang, có hầm hào bảo vệ. Chương trình học gồm một số nội dung chính như: nền giáo dục cách mạng, âm mưu của địch trong giáo dục, sổ tay người cán bộ giáo dục. Đối với đối tượng là giáo viên tiểu học, giáo viên vỡ lòng, ngoài các nội dung trên còn có thêm các bài về nghiệp vụ sư phạm. Bài trọng tâm là "Cách điều khiển một lớp học" (hướng dẫn cách tổ chức lớp, cách xưng hô, làm sổ điểm, tập đọc, tập viết, kỷ luật, trật tự lớp học, vệ sinh, văn nghệ, sinh hoạt tập thể, chống càn...).

Sau Hiệp định Paris, Thủ Dầu Một là địa bàn còn tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch, song đã hình thành một số lùm căn cứ ở Long Nguyên, các xã Tây Nam Bến Cát (An Điền, An Tây, Phú An). Tận dụng điều kiện này, Tiểu ban Giáo dục tiếp tục khôi phục phong trào bồi dưỡng văn hóa và bình dân học vụ. Một số cán bộ của Tiểu ban Giáo dục được cử lên căn cứ Trung ương cục (R) dự lớp đào tạo giáo viên cấp 2 để chuẩn bị mở lớp khi có điều kiện.

Tháng 4-1973, Tiểu ban Giáo dục đã đề xuất và được Tỉnh ủy chấp thuận cho mở trường nội trú dành cho con em cán bộ và đồng bào các lùm giải phóng thay thế cho

trường Văn Chính đã bị giải thể. Tháng 5-1973, một ngôi trường làm bằng tranh tre được dựng lên ở mặt khu Long Nguyên. Ngay trong tháng 5-1975, lớp học đầu tiên được khai giảng với 20 học sinh. Thầy Bùi Quang Dũng làm Hiệu trưởng. Nhà trường chỉ có 3 giáo viên nên Tỉnh ủy cho phép sử dụng một số học sinh lớn tập huấn sư phạm rồi hướng dẫn cho các em nhỏ học tập. Nhà trường còn thành lập chi đoàn Thanh niên Lao động. Các đảng viên của trường sinh hoạt chung với chi bộ Tiểu ban Giáo dục tỉnh.

Cùng với việc mở trường nội trú, Tiểu ban Giáo dục cử các đoàn cán bộ giáo dục xuống cơ sở bồi dưỡng trực tiếp cho giáo viên theo kiểu "luân huấn", xong xã này lại chuyển sang xã khác. Với cách tổ chức linh hoạt, cơ động đó, công tác giáo dục vẫn được duy trì ở nhiều địa phương cơ sở, đội ngũ giáo viên được bổ sung và bồi dưỡng thường xuyên. Học xong các lớp bồi dưỡng, giáo viên được phân công về các xã bầm dân, mở lớp; nếu không mở được lớp thì cũng phải bám cơ sở, thực hiện tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh chống địch phá hoại Hiệp định Paris, chống bán pháo bừa bãi, chống bắt lính...

Ngày 6-1-1975 chiến dịch Đường 14 Phước Long giành thắng lợi; tiếp đó là chiến thắng của các chiến dịch Tây Nguyên, Huế Đà Nẵng. Bộ Chính trị khẳng định: "Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam"; trên cơ sở đó chỉ thị: "Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kỹ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng 5-1975)". Trong kế hoạch tiến công Sài Gòn, đánh trận quyết chiến chiến lược, Đảng bộ và nhân dân Thủ Dầu Một có ba nhiệm vụ chính: phục vụ chiến đấu cho các đơn vị chủ

lực trên hướng Bắc Sài Gòn; đưa lực lượng trực tiếp tham gia chiến dịch tấn công Sài Gòn; tự giải phóng địa phương theo phương châm “xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh”.

Từ đầu năm 1975, Tiểu ban Giáo dục Thủ Dầu Một đã phân công cán bộ tham gia phục vụ công tác chỉ đạo chiến trường. Những ngày tháng 4-1975, hoạt động của đội ngũ cán bộ, nhân viên Tiểu ban Giáo dục càng thêm sôi động: vừa làm công tác thông tin tuyên truyền, công tác bình vận; vừa tích cực chuẩn bị các mặt cho việc tiếp quản vùng tạm chiếm. Trưa ngày 30-4-1975, đội ngũ cán bộ, nhân viên Tiểu ban Giáo dục đã có mặt tại Thị xã Thủ Dầu Một để thực hiện nhiệm vụ tiếp quản thị xã.

*

Hai mươi một năm kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975) là hai mươi một năm ngành giáo dục Thủ Dầu Một vượt qua thử thách khó khăn, chấp nhận hy sinh gian khổ để hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Nổi bật trong hoạt động giáo dục ở Thủ Dầu Một thời chống

Mỹ là công tác bình dân học vụ và bổ túc văn hóa được cấp tỉnh, cấp khu và cấp miền ghi nhận, biểu dương. Điển hình rõ nét nhất là dù cường độ chiến tranh cao đến mấy, dù tình hình chiến trường căng thẳng, ác liệt đến mấy thì giáo dục cách mạng ở Thủ Dầu Một vẫn tồn tại và có thời kỳ phát triển cao độ. Ngành giáo dục Thủ Dầu Một tự hào vì đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên ở Thủ Dầu Một nỗ lực vượt qua bao gian khó, hiểm nghèo để xây dựng ngành giáo dục cách mạng. Những thành quả giáo dục trong hai cuộc kháng chiến tuy còn nhỏ bé nhưng đã góp phần khẳng định bản lĩnh của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá - giáo dục, khẳng định tấm lòng yêu nghề, tận tụy với nghề, luôn “chắc tay phẩn, vững tay súng”, những người làm công tác quản lý giáo dục và các thầy cô giáo đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vinh quang: vừa đánh giặc, vừa dạy học.

CHÚ THÍCH

(1). Theo ông Nguyễn Xuân Vinh (Bảy Vinh, nguyên Phó trưởng Tiểu Ban giáo dục tỉnh Thủ Dầu Một, chủ tịch Hội Cựu giáo chức tỉnh Bình Dương): năm 1954, các thầy giáo ở Thủ Dầu Một tập kết ra miền Bắc là Huỳnh Văn Hộ, Võ Thanh Liêm, Nguyễn Bá, Nguyễn Minh Đức, Phạm Văn Trình (nguyên trưởng Ty Giáo dục Thủ Dầu Một), Huỳnh Thị Bông, Nguyễn Thị Hữu, Nguyễn Khắc Cẩn; một số thầy giáo được tổ chức sắp xếp ở lại phải rút vào hoạt động bí mật là Võ Văn Dợt (khi hoạt động bí mật lấy tên khác là Võ Minh Đức), thầy Diệp Hồi (nguyên là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính huyện Lái Thiêu ở lại làm Bí thư huyện ủy Bến Cát), Phạm Văn

Tiệm, Phạm Văn Cường. Các thầy giáo hy sinh trong kháng chiến chống Pháp là thầy Lê Văn Lương (xã Chánh Hiệp, Thị xã Thủ Dầu Một, nay là phường Chánh Nghĩa Thành phố Thủ Dầu Một, hy sinh năm 1945), thầy Trương Văn Giới (xã An Phú huyện Thuận An, nay là Thị xã Thuận An, hy sinh năm 1946), thầy Huỳnh Văn Mừng (xã An Phú huyện Thuận An, nay là Thị xã Thuận An, hy sinh năm 1946), thầy Giáo Sánh (Hải Sánh, xã An Phú, huyện Thuận An, nay là Thị xã Thuận An, hy sinh năm 1949). Theo *biên bản phỏng vấn ông Nguyễn Xuân Vinh (Bảy Vinh), ngày 24 tháng 6 năm 2013*, lưu tại Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Trường Đại học Thủ

Dầu Mọt.

(2). Theo ông Hà Văn Thăng, nguyên Trưởng phòng nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy Bình Dương, sau năm 1954, ở Thủ Dầu Mọt, trường tư thục Đức Trí và trường tư thục Nguyễn Trãi là nơi quy tụ được khá nhiều giáo viên yêu nước và các thầy cô giáo đã tham gia kháng chiến chống Pháp. Trường Đức Trí (còn có tên gọi khác là trường Bồ Đề), là nơi dạy học và hoạt động của các thầy cô giáo Trần Văn Hoành, Phan Thị Khê, Hồ Hảo Hớn, Lê Võ Dân... Thầy Hồ Hảo Hớn nguyên là cán bộ Ban Thông tin Tuyên truyền khu 8 và Viện Văn hóa Kháng chiến Nam Bộ trong thời kỳ chống Pháp, được phân công ở lại miền Nam, thầy tiếp tục hoạt động tại Sài Gòn làm công tác văn động trí thức với bí danh Nguyễn Văn Chiêu. Hoạt động bán công khai, thầy đi dạy ở các trường tư thục như Việt Nam Học đường, Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Huệ... Ở Sài Gòn, Thủ Dầu Mọt, Mỹ Tho, Gò Công... gây ảnh hưởng trong giới học sinh bấy giờ. Trường tư thục Đức Trí là nơi thầy Hồ Hảo Hớn đã đến dạy và gây dựng cơ sở cách mạng. Trường Nguyễn Trãi cũng là một cơ sở cách mạng ở tỉnh lỵ. Ở đây có các thầy giáo Nguyễn Văn Đồ, Phạm Văn Thành, Vũ Văn Huệ, Huỳnh Văn Cường, Lương Văn Minh, Trần Văn Hoành, Nguyễn Văn Lắc phần lớn là các giáo viên và cán bộ kháng chiến được bố trí ở lại công tác... Theo biên bản phỏng vấn ông Hà Văn Thăng, ngày 25 tháng 6 năm 2013, lưu tại Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Mọt.

(3). Vào thời điểm này, Tân Uyên thuộc tỉnh Biên Hòa. Lê Hữu Phước (chủ nhiệm), *Lịch sử chính quyền nhân dân tỉnh Bình Dương 1945 - 2005*, để tài nghiên cứu khoa học, Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Bình Dương, 2009.

(4). Nguyễn Bình là Trung tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Khu bộ trưởng Khu bộ 7 sau Cách mạng tháng Tám 1945. Lê Hữu Phước (chủ nhiệm), *Lịch sử chính quyền nhân dân tỉnh Bình Dương 1945 - 2005*, sdd.

(5) Các thầy giáo Lê Minh Chương, Nguyễn Văn Tiết... là những giáo viên khởi xướng phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ ở Thủ Dầu Mọt trước cách mạng tháng Tám 1945 và là lớp đảng viên đầu tiên của Đảng bộ Thủ Dầu Mọt, trong đó thầy Nguyễn Văn Tiết đã trở thành Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên của Đảng bộ Thủ Dầu Mọt. Theo *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương tập 1 (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2003.

(6). Theo bà Nguyễn Thị Rê, nguyên Trưởng Tiểu Ban Giáo dục tỉnh Thủ Dầu Mọt (1962 - 1968, 1973 - 1974), trong những năm 1957 - 1960, cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng ở Thủ Dầu Mọt tan vỡ hàng loạt, một số huyện không còn chỉ bộ cơ sở nào tồn tại và hoạt động. Phong trào cách mạng ở Thủ Dầu Mọt nói chung, hoạt động giáo dục cách mạng trên địa bàn tỉnh nói riêng, đứng trước thử thách khốc liệt. Nhiều thầy, cô giáo ở Thủ Dầu Mọt bị bắt, tù đày như Nguyễn Văn Cường, Phạm Văn Tiệp, Lưu Văn Chư, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Văn Lắc, Nguyễn Văn Dương, Huỳnh Minh Bạch, Nguyễn Văn Lửa, thầy Diệp Hồi... người bị kết án tử hình, người bị đày đi Côn Đảo. Theo biên bản phỏng vấn ông bà Nguyễn Thị Rê, ngày 26 tháng 8 năm 2013, lưu tại Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Mọt.

(7). Ở Thủ Dầu Mọt, đêm 25-2-1960, đồng bào đồng loạt nổi dậy ở nhiều địa phương (Bến Cát đến Châu Thành, Tân Uyên, Lái Thiêu...) giải tán tế ấp, tế xã, đốt chòi canh, giải tán dân canh, làm chủ xã ấp. Qua ba đợt đồng khởi diễn ra liên tục trong năm 1960, quần dân Thủ Dầu Mọt đã liên tục tiến công vào bộ máy kim kẹp của địch ở cơ sở, làm chủ được trên 40 ấp thuộc 25 xã (trong tổng số 46 xã của tỉnh) và 10 làng công nhân (trong tổng số 22 làng công nhân) ở đồn điền cao su Dầu Tiếng. Ở một số nơi, đã xây dựng được chính quyền cách mạng theo hình thức tự quản. Trong cao trào Đồng khởi, lực lượng cách mạng diệt được hơn 100 tên ác ôn, giải tán được hàng chục bộ máy tế xã, tế ấp; bức rút, bức hàng và

tiêu diệt một số đồn bót nằm sâu trong vùng nông thôn, thu hơn 300 súng các loại và nhiều quân trang, quân dụng. Xem thêm Lê Hữu Phước (chủ nhiệm), *Lịch sử chính quyền nhân dân tỉnh Bình Dương 1945 - 2005*, sdd.

(8). Công việc đầu tiên của Tiểu ban Giáo dục miền Nam là tham mưu cho Trung ương Cục miền Nam dự thảo đường lối giáo dục miền Nam Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ. Dự thảo được ban hành dưới dạng một thông tư của Trung ương Cục (số 44/TT, ngày 13/2/1963). Xem thêm *Sơ thảo 30 năm giáo dục miền Nam 1945 - 1975*, Trần Thanh Nam chủ biên, Nxb. Giáo dục, 1995.

(9). Trường Giáo dục Tháng tám khai giảng khóa I vào ngày 6-9-1963 với 107 học viên từ khu VI trở vào. Cuối tháng 4-1964 khóa I và tiếp tục mở khóa II. Xem thêm *Sơ thảo 30 năm giáo dục miền Nam 1945 - 1975*, sdd.

(10). Đại hội đại biểu Hội nhà giáo yêu nước miền Nam Việt Nam gồm 100 đại biểu từ Bến Hải đến Cà Mau tham dự. Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư Trung ương cục đến dự. Đại hội đã thông qua điều lệ, bầu Ban Chấp hành Trung ương hội gồm 39 ủy viên, giáo sư Lê Văn Huấn làm hội trưởng, ông Lê Thiết làm Tổng thư ký, các ông Dương Văn Diêu và Trần Thanh Nam là thành viên Ban Thường vụ hội và là cán bộ thường trực xử lý công việc hàng ngày của hội. *Sơ thảo 30 năm giáo dục miền Nam 1945 - 1975*, sdd.

(11). Số liệu thống kê từ tài liệu *Lịch sử giáo dục Bình Dương từ đầu thế kỷ XX đến 2003*, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương, 2004.

(12). Biên bản phỏng vấn bà Nguyễn Thị Rê, nguyên trưởng Tiểu Ban giáo dục tỉnh Thủ Dầu Một (1962 - 1968 và 1972 - 1975) 26 tháng 8 năm 2013, lưu tại Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một.

(13). Tài liệu của Thạc sĩ Nguyễn Văn Thủy, Trưởng Ban quản lý Di tích và danh thắng tỉnh Bình Dương, sưu tầm tại huyện Bến Cát tháng 8 năm 2013 (nay là huyện Bàu Bàng) phục vụ đề tài *Quá trình phát triển giáo dục cách mạng ở Bình Dương 1945 - 1975*, Tiến sĩ Nguyễn Văn Hiệp chủ nhiệm, Trường Đại học Thủ Dầu Một, 2013.

(14). Bộ phim tư liệu "Phát triển giáo dục vùng giải phóng" đã quay tại một số nơi có phong trào giáo dục phát triển mạnh. Ở miền Đông Nam Bộ, Thủ Dầu Một và Long An là hai địa phương được đoàn làm phim về thu thập tài liệu thực tế. Sau giải phóng, bộ phim đã bị thất lạc.

(15) Năm 1968, trên chiến trường Thủ Dầu Một có hàng chục giáo viên và cán bộ giáo dục hy sinh như: Nguyễn Văn Cán (Chín Công - xã Tân Định, huyện Bến Cát), Võ Văn Chiến (xã Phú An, huyện Bến Cát), Nguyễn Văn Dũng (xã Tân Vinh Hiệp, huyện Tân Uyên), Trần Văn Khá (huyện Dầu Tiếng), Võ Hoàng Khanh (Võ Văn Ngộ - xã Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một), Nguyễn Văn Long (Chín Long - huyện Vinh Cửu, Đồng Nai), Trần Văn Ngộ (cán bộ miền Bắc chi viện), Nguyễn Văn Tân (cán bộ miền Bắc chi viện), Trần Văn Tuấn (xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng), Nguyễn Văn Tường (Sáu Tường, xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát)... Thống kê (chưa đầy đủ) của Sở Giáo dục tỉnh Bình Dương, năm 2003.